

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Master of Finance and Banking
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Định hướng: Ứng dụng
- Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng
- Mã ngành: 8340201

(Ban hành kèm theo quyết định số 546/ĐHKTKTCN ngày 30/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, có hệ thống về Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính... nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Học viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy hệ thống, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo (AI), sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số và hội nhập quốc tế, đóng góp vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực

PO1: Vận dụng kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...; phân tích, đánh giá, và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để giải quyết các vấn đề phức tạp, thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

PO2: Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, vận dụng phương pháp NCKH, tư duy phản biện và sáng tạo; đề xuất sáng kiến đổi mới và khởi nghiệp phù hợp; vận dụng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

PO3: Chịu trách nhiệm và thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; dẫn dắt/quản lý hoạt động chuyên môn về Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính... trong tổ chức và tự học suốt đời để thích nghi linh hoạt

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
Kiến thức chung			
1	PLO1	Vận dụng các phương pháp luận và nghiên cứu khoa học để giải quyết các yêu cầu lập luận chuyên môn trong hoạt động tài chính, ngân hàng.	3
		PI 1.1 Vận dụng kiến thức về phương pháp luận để giải quyết các yêu cầu lập luận chuyên môn trong hoạt động tài chính, ngân hàng.	3
		PI 1.2. Vận dụng kiến thức về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo để giải quyết các yêu cầu lập luận chuyên môn trong hoạt động tài chính, ngân hàng.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	PLO2	Phân tích kiến thức thực tiễn và lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến của ngành Tài chính – Ngân hàng để giải quyết các vấn đề phức tạp trong Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...	3
		PI 2.1: Phân tích kiến thức thực tiễn và lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến về kinh tế học, kế toán tài chính, chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ, tài chính công, quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, thị trường tài chính.	3
		PI 2.2: Phân tích kiến thức thực tiễn và lý thuyết chuyên sâu, rộng, tiên tiến về hoạt động quản trị (quản trị ngân hàng, quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính quốc tế...)	3
3	PLO3	Đánh giá và lựa chọn các công nghệ mới/tiên tiến cùng kiến thức liên ngành phù hợp cho hoạt động thiết kế, mô hình hóa và triển khai giải pháp nghiệp vụ theo định hướng ứng dụng.	4
		PI 3.1: Thực hiện thống kê và phân tích dữ liệu, ứng dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
		PI 3.2: Ứng dụng phần mềm công nghệ để quản lý, đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư, phân tích tài chính doanh nghiệp, phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng.	4
Kỹ năng chung			
4	PLO4	Trình bày và thảo luận các vấn đề chuyên môn/khoa học dựa trên kết quả nghiên cứu để làm rõ, bảo vệ quan điểm học thuật với người cùng ngành và các bên liên quan.	3
		PI 4.1 Trình bày, thảo luận và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp,	3
		PI 4.2 Bảo vệ quan điểm học thuật với người cùng ngành và các bên liên quan.	3
Kỹ năng chuyên môn			
5	PLO5	Triển khai phân tích và đánh giá dữ liệu/thông tin chuyên sâu bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp, nhằm đề xuất giải pháp khoa học, khả thi trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...	4
		PI 5.1: Triển khai phân tích và đánh giá dữ liệu/thông tin chuyên sâu bằng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp, trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...	4
		PI 5.2: Đề xuất giải pháp khoa học, khả thi trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...	4
6	PLO6	Tổ chức và điều hành hoạt động chuyên môn ở mức tiên tiến trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính... trên cơ sở nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo.	4
		PI 6.1: Tổ chức và điều hành hoạt động chuyên môn ở mức tiên tiến trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính... trên cơ sở nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo.	4

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CDR
		PI 6.2: Tổ chức và điều hành hoạt động chuyên môn ở mức tiên tiến trong lĩnh vực Ngân hàng trên cơ sở nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ một cách sáng tạo.	4
Mức tự chủ trách nhiệm			
7	PLO7	Thể hiện năng lực tự định hướng phát triển nghề nghiệp, thích ứng với bối cảnh thay đổi và chịu trách nhiệm đối với quyết định chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...	4
		PI7.1. Thể hiện năng lực tự định hướng phát triển nghề nghiệp, trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...	4
		PI7.2. Thể hiện năng lực tự thích ứng với bối cảnh thay đổi và chịu trách nhiệm đối với quyết định chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...	4
8	PLO8	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội; lãnh đạo/hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với sáng kiến đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hoạt động cải tiến nâng cao hiệu quả phù hợp bối cảnh tổ chức.	4
		PI 8.1 Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội	4
		PI 8.2. Thể hiện năng lực lãnh đạo/hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ gắn với sáng kiến đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hoạt động cải tiến nâng cao hiệu quả phù hợp bối cảnh tổ chức.	4

2.2. Trình độ ngoại ngữ: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng có thể đảm nhiệm công việc và phát triển lên các vị trí cao hơn tại các Tổ chức tín dụng; các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở vị trí quản lý tại:

- Vị trí quản lý tại khối các đơn vị sự nghiệp, cơ quan quản lý: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính; y ban Chứng khoán Nhà nước; Kho bạc Nhà nước; Tổng cục Thuế, chi cục thuế; Tổng cục Hải quan, chi cục hải quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; uỷ ban Giám sát Tài chính Quốc gia Việt Nam, Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam, v.v...; Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trung ương và địa phương, các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp...;

- Vị trí quản lý tại các NHTM và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm; Quỹ tín dụng, công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; công ty tài chính; công ty thẩm định giá... và các tổ chức tài chính quốc tế...

mục đầu tư, nhà quản trị tài chính...

- Vị trí quản lý tại khối các doanh nghiệp: Công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia...

- Giảng viên, nghiên cứu viên tại khối các cơ quan nghiên cứu, tư vấn: học viện, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các trung tâm tư vấn tài chính độc lập...

- Chuyên gia trên thị trường tài chính - tiền tệ trong nước và quốc tế: Chuyên gia tài chính, nhà môi giới, chuyên gia phân tích đầu tư và danh mục đầu tư, Nhà đầu tư cá nhân, quản lý dự án, Sáng lập điều hành doanh nghiệp khởi nghiệp...

2.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có đầy đủ khả năng theo học các chương trình nghiên cứu sinh để nhận học vị tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, nghiệp vụ, lấy các chứng chỉ trong và ngoài nước đáp ứng nhiệm vụ công việc được giao.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT							
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chuyên sâu, có hệ thống về Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính... nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Học viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong ngành bằng cách vận dụng tích hợp tư duy hệ thống, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo (AI), sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số và hội nhập quốc tế, đóng góp vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước								
Mục tiêu cụ thể								

PO1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính...; phân tích, đánh giá, và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để giải quyết các vấn đề phức tạp, thúc đẩy công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước	x	x	x					
PO2	Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu, vận dụng phương pháp NCKH, tư duy phản biện và sáng tạo; đề xuất sáng kiến đổi mới và khởi nghiệp phù hợp; vận dụng công cụ số và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp với lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp				x	x	x		
PO3	Chịu trách nhiệm và thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội; dẫn dắt/quản lý hoạt động chuyên môn về Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, thị trường tài chính... trong tổ chức và tự học suốt đời để thích nghi linh hoạt							x	x

4. Yêu cầu đối với người học

4.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Các ngành phù hợp mà không phải là ngành đúng sẽ phải học bổ sung/ chuyển đổi kiến thức (theo bảng danh mục ngành phù hợp và các học phần chuyển đổi/ bổ sung liên thức). Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh và hội đồng khoa học nhà trường quyết định.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

- Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung/ chuyển đổi kiến thức

TT	Ngành tốt nghiệp đại học	Các học phần bổ sung/chuyển đổi kiến thức (tên học phần, số tín chỉ)
----	--------------------------	--

1	Tài chính - Ngân hàng Bảo hiểm Công nghệ tài chính	-
2	Quản trị kinh doanh Kế toán Kiểm toán Kinh tế đầu tư Marketing Kinh doanh quốc tế Kinh doanh thương mại Thương mại điện tử	1. Ngân hàng thương mại (3TC)
3	Kinh tế Kinh tế chính trị Kinh tế phát triển Kinh tế quốc tế Thống kê kinh tế Toán kinh tế Kinh tế số	2. Ngân hàng thương mại (3TC) 3. Tài chính doanh nghiệp (3TC)
4	Các nhóm ngành, ngành không thuộc 3 nhóm ngành trên nhưng trong CTĐT ở trình độ đại học của người dự tuyển có học phần liên quan đến một trong những nội dung sau: Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Đầu tư, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế, Kinh doanh và quản lý...	1. Tài chính tiền tệ (3TC) 2. Ngân hàng thương mại (3TC) 3. Tài chính doanh nghiệp (3TC)

- Các qui định khác: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

4.2. Phương thức tuyển sinh:

- a. Xét tuyển: Xét tuyển gồm 3 môn cụ thể:
 - Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường
 - Hai môn khác là tổ hợp cao nhất của ứng viên được nhà trường thông báo tại các đợt tuyển sinh hàng năm.
 - Hình thức và quy trình xét tuyển trong mỗi kỳ tuyển sinh do Trường quyết định.
- b. Thi tuyển: thí sinh sẽ thi 3 môn gồm:

- Môn 1: Tài chính tiền tệ
- Môn 2: Tài chính doanh nghiệp
- Môn ngoại ngữ: Theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường

5. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên hoàn thành các học phần trong Chương trình đào tạo và đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

6. Chương trình đào tạo

6.1 Cấu trúc chương trình

- Phần kiến thức chung: 6 tín chỉ
- Phần kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành: 45 tín chỉ
 - + Lý thuyết: 39 tín chỉ
 - + Thực hành, thực tập, chuyên đề, tiểu luận: 6 tín chỉ
- Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án): 9 tín chỉ

6.2 Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
I. Phần kiến thức chung			6		
0601002218	Triết học	LLCT&PL	4	(48,24,120)	x
0601001468	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DLKS	2	(24,12,60)	x
II. Phần kiến thức cơ sở ngành			12		
Các học phần bắt buộc			8		
0601000561	Kinh tế học	DL&KS	2	(24,12,60)	x
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	KT-KT	2	(24,12,60)	x
0601002598	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TCNH&BH	2	(24,12,60)	x
0601002599	Tài chính công nâng cao	TCNH&BH	2	(24,12,60)	x
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)			4		

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	TCNH&BH	2	(24,12,60)	x
0601002594	Kế toán tài chính	KT-KT	2	(24,12,60)	x
0601002595	Quản trị Marketing ngân hàng	TCNH&BH	2	(24,12,60)	
0601002596	Kinh tế bảo hiểm	TCNH&BH	2	(24,12,60)	
III. Phần kiến thức cốt lõi ngành			18		
Các học phần bắt buộc			9		
0601003472	Chuyên đề 1: Quản trị kinh doanh ngân hàng	TCNH&BH	3	(0, 90, 90)	x
0601002600	Quản trị tài chính quốc tế	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
0601002614	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
Các học phần tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)			9		
0601002597	Toán tài chính	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
0601003473	Quản lý dự án đầu tư	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
0601002603	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
0601002602	Đầu tư quốc tế	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
0601002604	Quản lý tài chính cá nhân	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
0601002605	Tài trợ thương mại quốc tế	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
0601002606	Phân tích chứng khoán	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
IV. Phần kiến thức chuyên ngành			15		
Các học phần bắt buộc			9		
0601002607	Quản trị ngân hàng hiện đại	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x

Mã học phần	Tên học phần	Khoa/BM thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
0601002608	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
0601002610	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	TCNH&BH	3	(0, 90,90)	x
Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong các học phần)			6		
0601002611	Quản trị rủi ro tài chính	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
0601002612	Định giá doanh nghiệp	TCNH&BH	3	(36,18,90)	x
0601002613	Quản trị dòng tiền	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
0601002609	Hợp đồng tương lai và quyền chọn	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
0601002615	Thuế quốc tế	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
0601002616	Đầu tư tài chính nâng cao	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
0601002617	Quản lý danh mục đầu tư	TCNH&BH	3	(36,18,90)	
V. Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)		TCNH&BH	9	(0,540, 540)	x
0601002618					
Tổng cộng:			60		

7. Kế hoạch đào tạo

7.1. Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm

7.2. Khung kế hoạch đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Thời lượng	Ghi chú
I. Học kỳ 1 (6 môn BB, 1 môn TC) 16 TC			
0601002218	Triết học	4	BB
0601002218	Phương pháp NCKH	2	BB
0601000561	Kinh tế học	2	BB
0601002278	Thống kê và phân tích dữ liệu	2	BB

0601002598	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	2	BB
0601002599	Tài chính công nâng cao	2	BB
0601002282	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	TCx
II. Học kỳ 2 (3 môn BB, 3 môn TC) 14 TC			
0601002594	Kế toán tài chính	2	TCx
0601003472	Chuyên đề 1: Quản trị kinh doanh ngân hàng	3	BB
0601002600	Quản trị tài chính quốc tế	3	BB
0601002614	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	BB
0601003473	Quản lý dự án đầu tư	3	TCx
0601002594	Kế toán tài chính	2	TCx
III. Học kỳ 3 (3 môn BB, 2 môn TC) 15 TC			
0601002597	Toán tài chính	3	TCx
0601002603	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối	3	TCx
0601002608	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	BB
0601002607	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	BB
0601002610	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	BB
IV. Học kỳ 4 (1 môn BB, 2 môn TC) 15 TC			
0601002611	Quản trị rủi ro tài chính	3	TCx
0601002612	Định giá doanh nghiệp	3	TCx
0601002618 Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)		9	BB

7.3. Danh sách giảng viên giảng dạy

TT	Môn học	TC	Giảng viên	Đơn vị
1	Triết học	3	TS. Bùi Thanh Thủy	LLCT
			TS. Lê Thị Lý	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	TS. Phạm Thị Lụa	KTKT
			TS. Nguyễn Thị Thu Hằng	

3	Kinh tế học	2	TS Nguyễn Văn Hợp	DL&KS
			TS. Lê Thị Kim Chi	
4	Thống kê và phân tích dữ liệu	2	TS. Trần Hoàng Long	DKTM
			TS. Nguyễn Thị Chi	
5	Thị trường tài chính và các tổ chức trung gian	2	TS. Nguyễn Thị Kim Thoa	TCNH&BH
			PGS. TS. Nguyễn Thị Bất	
6	Kế toán tài chính	2	TS. Hoàng Thị Phương Lan	KTKT
			TS. Trần Thị Quỳnh Giang	
7	Quản trị Marketing ngân hàng	2	TS. Ngô Hoài Nam	TCNH&BH
			TS. Nguyễn Hữu Thủy	
8	Kinh tế bảo hiểm	2	TS. Trần Thị Ngọc Anh	TCNH&BH
			PGS.TS Phạm Quý Ngọ	
9	Toán tài chính	3	TS. Phạm Đức Tài	TCNH&BH
			TS. Nguyễn Hữu Thủy	
10	Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ	3	TS. Hoàng Việt Trung	TCNH&BH
			TS. Đặng Hương Giang	
11	Tài chính công nâng cao	2	TS. Phạm Đức Tài	TCNH&BH
			PGS. TS Nguyễn Thị Bất	
12	Quản trị tài chính quốc tế	3	TS. Đặng Hương Giang	TCNH&BH
			TS. Trần Đức Cân	
13	Quản lý dự án đầu tư	3	TS. Ngô Hoài Nam	TCNH&BH
			TS. Phùng Mạnh Hùng	
14	Chuyên đề 1: Quản trị kinh doanh Ngân hàng	3	TS. Hoàng Việt Trung	TCNH&BH
			PGS.TS. Lê Thanh Tâm	
15	Thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối		TS. Đặng Hương Giang	TCNH&BH
			TS. Phùng Mạnh Hùng	

16	Quản lý tài chính cá nhân	3	TS. Phạm Đức Tài	TCNH&BH
			TS. Nguyễn Thị Chi	
17	Tài trợ thương mại quốc tế	3	TS. Ngô Hoài Nam	TCNH&BH
			TS. Trần Văn Thiện	
18	Phân tích chứng khoán	3	TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH&BH
			TS. Nguyễn Thị Chi	
19	Quản trị ngân hàng hiện đại	3	TS. Đặng Hương Giang	TCNH&BH
			TS. Hoàng Việt Trung	
20	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	TS. Phùng Thị Lan Hương	TCNH&BH
			GS. TS. Đặng Thị Loan	
21	Hợp đồng tương lai và quyền chọn	3	TS. Đặng Hương Giang	TCNH&BH
			TS. Hoàng Việt Trung	
22	Chuyên đề 2: Phân tích tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH&BH
			PGS.TS Vũ Văn Tùng	
23	Quản trị rủi ro tài chính	3	TS. Phùng Thị Lan Hương	TCNH&BH
			GS. TS. Đặng Thị Loan	
24	Định giá doanh nghiệp	3	TS. Đường Thị Thanh Hải	TCNH&BH
			PGS.TS Vũ Văn Tùng	
25	Quản trị dòng tiền	3	TS. Phạm Thị Lựa	TCNH&BH
			TS. Nguyễn Hữu Thuỷ	
26	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	TS. Phùng Thị Lan Hương	TCNH&BH
			PGS.TS Phạm Quý Ngọ	
27	Thuế quốc tế	3	TS. Trần Đức Cân	TCNH&BH
			PGS. TS. Nguyễn Thị Bất	
28	Đầu tư tài chính nâng cao	3	TS. Đường Thị Thanh Hải	TCNH&BH
			TS. Trần Văn Thiện	
29	Quản lý danh mục đầu tư	3	TS. Vũ Thị Thục Oanh	TCNH&BH
			TS. Nguyễn Thị Chi	

30	Tốt nghiệp (Đồ án, dự án, đề án)	9	GS. TS. Đặng Thị Loan	TCNH&BH
			PGS. TS. Nguyễn Thị Bất	
			PGS.TS Phạm Quý Ngọ	
			PGS.TS Vũ Văn Tùng	
			TS. Phùng Thị Lan Hương	
			TS. Vũ Thị Thục Oanh	
			TS. Đặng Hương Giang	
			TS. Đường Thị Thanh Hải	
			TS. Nguyễn Ngọc Hải	
			TS. Ngô Hoài Nam	
			TS. Phạm Đức Tài	
			TS. Hoàng Việt Trung	
			TS. Trần Văn Thiện	
			TS. Nguyễn Hữu Thủy	

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long